

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày 18-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Tân

Ông Lê Văn Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Công D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1976 tại Hà Nội. Nơi cư trú: **Cụm B xã Ô, thành phố Hà Nội**; số căn cước công dân: 001076005657; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH P**; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Công K** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị C**; có vợ là **Nguyễn Thị H** và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/02/2026; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, **Nguyễn Công D** cùng vợ là **Nguyễn Thị H** mua lại **Công ty TNHH P1** của người không rõ nhân thân, lai lịch và thay đổi đăng ký kinh doanh, đổi tên thành **Công ty TNHH P** (Công ty P), MST 0108242075, đăng ký trụ sở tại: Làng nghề **thôn H, xã Ô, thành phố Hà Nội**, do **D** đứng tên giám đốc và trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, mua bán các sản phẩm về gỗ, làm và cho thuê cốp pha, xà gồ.

Trong năm 2021, 2022, D ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần X (Công ty X), địa chỉ trụ sở tại số I tổ A, phường Đ, thành phố Hà Nội và Công ty Cổ phần X1 (Công ty X1), địa chỉ trụ sở tại thôn C A, xã H, thành phố Hà Nội về việc Công ty P cho 02 công ty trên thuê và lắp đặt cốp pha, giáo thép để công ty X thi công công trình nhà xưởng tại Khu công nghiệp Đ, tỉnh Hà Nam và công ty X1 thi công công trình xây dựng khu S thuộc Dự án Vinhomes Ocean Park 2 ở xã N, tỉnh Hưng Yên. Quá trình thực hiện hợp đồng, D thuê nhân công, mua nguyên liệu để gia công giàn giáo hoặc thuê giàn giáo thông qua người đàn ông tên H1 không rõ nhân thân, lai lịch. Theo thỏa thuận, H1 có trách nhiệm cung cấp hoá đơn GTGT đối với nguyên vật liệu, giàn giáo và nhân công phục vụ cho Công ty P kê khai, báo cáo thuế. H1 đã xuất 32 số hóa đơn GTGT từ 05 công ty T1, H, H, T Việt Nam, AT Việt Nam của H để hợp lý hoá số hàng hoá, dịch vụ mà D mua, thuê của H1. D chuyển thông tin 32 hóa đơn GTGT để kế toán Lê Thị T, sinh năm 1988, trú tại cụm C, xã Ô, thành phố Hà Nội kê khai sử dụng làm hoá đơn đầu vào cho Công ty P tại các kỳ kê khai thuế quý 1, 2, 3, 4/2021; quý 1, 2, 3, 4/2022 với doanh số ghi không chưa thuế là 18.708.004.846 đồng, thuế suất từ 8% đến 10% là 1.691.647.096 đồng, gồm: 06 số hoá đơn của công ty T1, ghi không doanh số chưa thuế là 6.747.346.427 đồng, thuế suất 10% là 651.837.672 đồng; 01 số hoá đơn của công ty H2, ghi không doanh số chưa thuế là 94.999.988 đồng, thuế suất 10% là 9.499.999 đồng; 17 số hoá đơn của công ty H3, ghi không doanh số chưa thuế là 9.146.156.528 đồng, thuế suất 8%, 10% là 812.749.273 đồng; 05 số hoá đơn của công ty T2, ghi không doanh số chưa thuế là 1.082.339.945 đồng, thuế suất 8%, 10% là 86.587.195 đồng; 03 số hoá đơn của công ty A, ghi không doanh số chưa thuế là 1.637.161.958 đồng, thuế suất 8%, 10% là 130.972.957 đồng.

Tại Kết luận giám định của Thuế thành phố H ngày 04/02/2026 kết luận: Công ty P sử dụng 32 số hóa đơn GTGT lập không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo khai thuế quý 1, 2, 3, 4/2021; quý 1, 2, 3, 4/2022 là hành vi trốn thuế, làm giảm số tiền thuế GTGT đầu vào phải nộp là 1.691.647.096 đồng. Tính đến quý 4/2025, sau khi điều chỉnh thì Công ty P có hành vi trốn thuế với số tiền trốn thuế GTGT là 317.704.451 đồng. Ngày 12/02/2026, Nguyễn Công D nộp số tiền 318.000.000 đồng cho Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố H để khắc phục hậu quả.

Việc thu giữ, quản lý, xử lý vật chứng: Đối với 32 tờ hoá đơn GTGT của 05 công ty: T, H, H, Tùng Lâm V, AT Việt Nam, các báo cáo thuế của Công ty P và tài liệu liên quan tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 318.000.000 đồng do Nguyễn Công D nộp cần chuyển đến Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại Cáo trạng số 104/CT-VKSHP-P3 ngày 16/4/2026, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Công D về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Thị T là kế toán Công ty P sử dụng 32 số hoá đơn, thực hiện việc kê khai, báo cáo nộp thuế cho Công ty P nhưng không biết việc D sử dụng 32 số hoá đơn GTGT không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo nên T không đồng phạm với D về tội “Trốn thuế” hoặc có dấu hiệu của tội phạm khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Đối với **Nguyễn Thị H** là vợ **D** nhưng 02 người đã ly thân, **H** không tham gia vào hoạt động kinh doanh của **Công ty P**, không bán hoặc cung cấp 32 số hóa đơn cho **D** mà bán hóa đơn cho nhiều người không xác định được nhân thân lai lịch nên **H** không đồng phạm với **D** về tội “Trốn thuế”. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của **H** đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử tại Bản án số 203/2024/HS-ST ngày 25/09/2024.

Đối với người đàn ông tên **H1** đã xuất 32 số hóa đơn GTGT không cho **Nguyễn Công D**, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của **H1** nên không có căn cứ điều tra làm rõ để xử lý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 200, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo **Nguyễn Công D** từ 1.600.000.000 đồng đến 1.700.000.000 đồng về tội “Trốn thuế”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Từ ngày 22/01/2026 đến ngày 28/01/2026, **Công ty TNHH P** đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính từ hành vi trốn thuế thay bị cáo **D** là 317.704.451 đồng tại **T thành phố Hà Nội** nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị cáo **D** đã nộp số tiền là 318.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 22/4/2026 tại **Kho bạc Nhà nước khu vực I** và số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền ngày 14/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để chứng minh có điều kiện thực hiện hình phạt chính là phạt tiền nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ quý 1/2021 đến hết quý 4/2022 tại thành phố Hà Nội, với chức vụ là Giám đốc Công ty TNHH P, bị cáo Nguyễn Công D nhiều lần mua 32 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) với tổng số tiền hàng hoá, dịch vụ chưa thuế là 18.708.004.846 đồng, thuế suất từ 8% đến 10% là 1.691.647.096 đồng kê khai khấu trừ thuế GTGT hàng hoá mua vào cho Công ty P làm giảm số thuế phải nộp, trốn thuế GTGT với số tiền 1.691.647.096 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Công D đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo Điều 200 Bộ luật Hình sự. Số tiền trốn thuế từ 1.000.000.000 đồng trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chủ động chỉ đạo Công ty TNHH P nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 317.704.451 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo: Bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, đồng thời chứng minh có điều kiện kinh tế, đảm bảo khả năng thi hành hình phạt tiền thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Tại phiên tòa, bị cáo D đề nghị được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, đủ điều kiện xem xét áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo D nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D và các hình phạt bổ sung khác theo khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[8] Về biện pháp tư pháp: Từ ngày 22/01/2026 đến ngày 28/01/2026, Công ty TNHH P đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính từ hành vi trốn thuế thay cho bị cáo D là 317.704.451 đồng tại Thuế cơ sở B thành phố Hà Nội nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Bị cáo **D** đã nộp số tiền là 318.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 22/4/2026 tại **Kho bạc Nhà nước khu vực I** và số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền ngày 14/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để chứng minh có điều kiện thực hiện hình phạt chính là phạt tiền nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Công D** phạm tội “Trốn thuế”.

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Công D** 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo **Nguyễn Công D**.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự,

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền bị cáo **D** đã nộp trước xét xử là 318.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 22/4/2026 tại **Kho bạc Nhà nước khu vực I** và số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền ngày 14/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Nguyễn Công D** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND tối cao;
- TAND tối cao;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- UBND xã Ô Diên, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Tuấn Điệp Nguyễn Xuân Thắng

Nguyễn Mạnh H